TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 209/2022/HCPT
Ngày 09/6/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 513/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4742/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

**** Người khởi kiện:*** Ông Phạm Viết V (tức Phạm Viết V), sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: phường An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Nh - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Đỗ Đức H, sinh năm 1965; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Vũ Trung K - Công ty luật TNHH Vũ K, Đoàn luật sư tỉnh tuyên Quang; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969; vắng mặt.

3. Anh Đỗ Đức H2, sinh năm 1990; có mặt.

4. Chị Đỗ Thu H3, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, chị H3: Ông Đỗ Đức H, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

5. UBND xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân H4 - Chủ tịch; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại toà án người khởi kiện ông Phạm Viết V trình bày:

Khu Đầm Lầy thuộc thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang trước đây do Trường thanh niên dân tộc nội trú huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang quản lý, do nhà trường bỏ hoang không sử dụng những năm 1978, 1979, 1980 ông đã khai phá, cải tạo trồng lúa. Đến năm 2013 do biến đổi khí hậu, ông chuyển sang trồng mon nuôi lợn và trồng cỏ để nuôi cá cho đến nay. Năm 1986 ông tiếp tục phục hoá thêm 01 thửa để trồng lúa, cũng đến năm 2003, do biến đổi khí hậu ông chuyển sang trồng mon và trồng cỏ cho đến nay. Cả khu vực Đầm Lầy cũ hiện nay nhiều hộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Hiện nay hộ ông H, bà H1 đang tranh chấp với gia đình ông. Tháng 4/2019 hoa màu của ông trồng tại 02 thửa đất trên bị hai hộ ông Đỗ Đức H và Nguyễn Văn Công, trú cùng thôn phun thuốc diệt cỏ chết hết hoa màu, ông đã làm đơn lên Ủy ban nhân dân (UBND) xã An Kh đề nghị giải quyết. Tại buổi giải quyết chính quyền xã công bố hiện nay khu vực trên chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai, mọi người dân ai khai phá được tiếp tục canh tác. Gia đình ông tiếp tục canh tác cho đến nay.

Đến đầu tháng 4/2021 ông được mời lên UBND xã An Kh để giải quyết việc ông lấn đất của hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 vì hộ ông H, bà H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 000289/AK ngày 23/4/2014 do UBND thành phố Tuyên Q cấp, với số thửa 226, 236 thuộc tờ bản đồ số 10. Hai thửa đất trên ông đã khai hoang phục hoá mấy chục năm nay với diện tích thửa 236 là 163,5m^2, thửa 226 là 158,1m^2, thuộc khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét huỷ GCNQSDĐ của hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 vì đã cấu kết với một số người khác khai khống để cấp quyền sử dụng đất một cách trái pháp luật.

Người bị kiện - Đại diện UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang

trình bày:

Căn cứ vào nguồn gốc và các giấy tờ nộp kèm theo hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 được UBND xã An Kh xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất do tự khai phá năm 1992, không có tranh chấp. UBND xã An Kh đã thực hiện công khai theo quy định. Sau khi hết thời gian công khai UBND xã An Kh không nhận được ý kiến, kiến nghị gì liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ của hộ ông H, bà H1. UBND xã An Kh trình UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1. Căn cứ Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Tuyên Q đã kiểm tra, xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1, tổng diện tích 1.834,6m^2 đất chuyên trồng lúa nước, chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 tại Tờ trình số 1520/TTr-TNMT ngày 14/11/2013. Ngày 02/12/2013, UBND thành phố Tuyên Q ban hành Quyết định số 644/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ cho 58 hộ gia đình, cá nhân tại xã An Kh, thành phố Tuyên Q, trong đó có hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1. Ngày 23/4/2014, UBND thành phố Tuyên Q ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 000289/AK cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đối với các thửa đất số 189, 193, 251, 228, 234, 235, 236, 226, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 1.834,6m^2 đất trồng lúa, tại thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q. Như vậy, UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Việc ông Phạm Viết V (tức Phạm Viết V) khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 000289/AK ngày 23/4/2014 cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1, đối với các thửa đất số 189, 193, 251, 228, 234, 235, 236, 226, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 1.834,6m^2 đất trồng lúa, tại thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, UBND thành phố Tuyên Q đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ do UBND thành phố Tuyên Q cung cấp và các quy định của pháp luật để kiểm tra, xác minh và giải quyết vụ việc theo quy định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- *Ông Đỗ Đức H trình bày*: Gia đình ông có được UBND xã An Kh giao cho một số diện tích đất trồng lúa tại xứ đồng Cây Thị, xã An Kh, thành phố Tuyên Q từ năm 1989, gia đình ông sử dụng để trồng lúa 02 vụ ổn định, liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp với ai. Năm 2011-2012, UBND xã An Kh cùng các thôn và các hộ gia đình trên địa bàn toàn xã kê khai, kiểm kê, đo đạc để cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình. Ngày 23/4/2014 gia đình ông được UBND

thành phố Tuyên Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 000289/AK, diện tích 1.834,6m^2 đối với 08 thửa đất lúa (189, 193, 251, 228, 234, 235, 236, 226), tờ bản đồ số 10 tại khu Cây Thị. Từ khi được UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ gia đình ông vẫn tiến hành canh tác trồng 02 vụ lúa trên các thửa đất đó và không có tranh chấp với ai. Vào khoảng tháng 10/2020, ông Phạm Viết V người ở cùng thôn Trường Thi A, xã An Kh đã cùng ông Đỗ Đức Thắng ngang nhiên mang cuốc vào cuốc vào phần đất canh tác của gia đình ông và một phần đất của UBND xã An Kh chưa giao cho ai sử dụng để đắp thành bờ. Khi đó, ông đã ra nói chuyện với ông V nhưng ông V không nghe mà vẫn cố tình làm. Vụ việc sau đó ông đã báo lên thôn và UBND xã đề nghị giải quyết nhưng vẫn chưa được cấp nào xem xét giải quyết. Đến ngày 26/3/2021, ông V và ông Thắng lại tiếp tục cầm cuốc ra để cuốc tiếp phần đất của gia đình ông đang sử dụng đắp thành bờ cao để trồng màu trên đó. Vụ việc sau đó chính quyền xã, đại diện cán bộ địa chính, công an, tư pháp đã ra hiện trường xác minh làm việc và yêu cầu ông V dừng lại. Nay ông V khởi kiện UBND thành phố Tuyên Q, đề nghị huỷ GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông, ông xác định việc UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông cũng như các hộ gia đình trong xã An Kh thời điểm đó là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục quy định, gia đình ông sử dụng các thửa đất đó liên tục, ổn định từ năm 1989 đến nay có bà con hàng xóm cùng làm chứng kiến và không có tranh chấp với ai, gia đình ông V chưa bao giờ canh tác trên các thửa đất đó. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc ông V dừng ngay việc đào cuốc trên các thửa đất của gia đình ông, trả lại diện tích đất đã cuốc lấn chiếm và phải có trách nhiệm hoàn trả lại hiện trạng ban đầu cho gia đình ông.

- *Bà Nguyễn Thị H1 trình bày*: Về nguồn gốc đất và diễn biến vụ việc như chồng bà là ông Đỗ Đức H trình bày. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc ông V dừng ngay việc đào cuốc trên các thửa đất của gia đình bà, trả lại diện tích đất đã cuốc lấn chiếm và phải có trách nhiệm hoàn trả lại hiện trạng ban đầu cho gia đình bà.

- *Anh Đỗ Đức H2 trình bày:* Về nguồn gốc đất và diễn biến vụ việc như bố mẹ anh là ông Đỗ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 trình bày. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc ông V dừng ngay việc đào cuốc trên các thửa đất của gia đình anh, trả lại diện tích đất đã cuốc lấn chiếm và phải có trách nhiệm hoàn trả lại hiện trạng ban đầu cho gia đình anh.

- *Chị Đỗ Thu H3 trình bày:* Về nguồn gốc đất và diễn biến vụ việc như bố mẹ chị là ông Đỗ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 trình bày. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc ông V dừng ngay việc đào cuốc trên các thửa đất của gia đình chị, trả lại diện tích đất đã cuốc lấn chiếm và phải có trách nhiệm hoàn trả lại hiện trạng ban đầu cho gia đình chị.

- *Đại diện UBND xã An Kh trình bày:* Quá trình cấp GCNQSDĐ cho hộ

ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đã được UBND xã An Kh tiến hành việc lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất được các hộ từng cư trú và sử dụng đất tại thôn Trường Thi A xác nhận đất có nguồn gốc khai phá năm 1992 và không có tranh chấp. UBND xã An Kh cũng đã thực hiện việc niêm yết công khai và không ai có ý kiến gì, thủ tục hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Đỗ Đức H là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 20/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q đã quyết định căn cứ các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Thông tư số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 quyết định ban hành quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Viết V về việc: Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377 ngày 23/4/2014 do UBND thành phố Tuyên Q cấp cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 226, 236 tờ bản đồ số 10 khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2021, người khởi kiện là ông Phạm Viết V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm Viết V vẫn giữ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày thửa đất số 236 diện tích 163,5m^2, thửa đất số 226 diện tích 158,1m^2, thuộc khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND thành phố Tuyên Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 000289/AK ngày 23/4/2014 cho hộ gia đình ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 là của gia đình ông đã khai hoang phục hoá mấy chục năm nay, trước đây là khu Đầm Lầy thuộc thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang, do Trường thanh niên dân tộc nội trú huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang quản lý, nhưng nhà trường bỏ hoang không sử dụng những năm 1978, 1979, 1980 ông đã khai phá, cải tạo trồng lúa. Đến năm 2013 do biến đổi khí hậu, ông chuyển sang trồng mon nuôi

lợn và trồng cỏ để nuôi cá cho đến nay. Nay ông đề nghị Toà án xem xét huỷ 01 phần GCNQSDĐ của hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 vì đã cấu kết với một số người khác khai khống để cấp quyền sử dụng đất một cách trái pháp luật.

Người bị kiện - đại diện UBND thành phố Tuyên Quang có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như bản tự khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đức H và người bảo vệ quyền, lợi ích cho ông H trình bày: Gia đình ông sử dụng các thửa đất số 236 diện tích 163,5m^2, thửa đất số 226 diện tích 158,1m^2, thuộc khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2011-2012, UBND xã An Kh cùng các thôn và các hộ gia đình trên địa bàn toàn xã kê khai, kiểm kê, đo đạc để cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình. Ngày 23/4/2014 gia đình ông được UBND thành phố Tuyên Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 000289/AK, diện tích 1.834,6m^2 đối với 08 thửa đất lúa (189, 193, 251, 228, 234, 235, 236, 226), tờ bản đồ số 10 tại khu Cây Thị. Từ khi được UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ gia đình ông vẫn tiến hành canh tác trồng 02 vụ lúa trên các thửa đất đó và không có tranh chấp với ai, gia đình ông V chưa bao giờ canh tác trên các thửa đất đó. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn kháng cáo của ông Phạm Viết V (tức Phạm Viết V) là hợp lệ, đúng thời hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua quá trình xét hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 3, Điều 30; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Viết V về việc: Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377 ngày 23/4/2014 do UBND thành phố Tuyên Q cấp cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 226, 236 tờ bản đồ số 10 khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Phạm Viết V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Viết V (tức Phạm Viết V) nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 227 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo ông Phạm Viết V yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377 ngày 23/4/2014 do UBND thành phố Tuyên Q cấp cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 226, 236 tờ bản đồ số 10 khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang và hủy bản án sơ thẩm, thấy:

[2.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành, nội dung:

Về nguồn gốc thửa đất số 226, số 236 mà ông V có khiếu nại thuộc tờ bản đồ số 10, nằm trong diện tích 13.500m^2 của Trường thanh niên dân tộc nội trú huyện Yên Sơn (còn gọi là Đầm Trường Đoàn) được giao từ năm 1979, sau này đến năm 1986-1987 Trường chuyển đi không sử dụng thì đất được giao lại cho UBND xã An Kh quản lý, sử dụng. Theo bản đồ giải thửa năm 1983, thửa đất số 226, số 236, thuộc thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.600m^2, sổ mục kê lưu trữ tại UBND xã An Kh không ghi tên chủ sử dụng đất. Tại Biên bản lấy ý kiến những người cư trú tại thôn Trường Thi A, xã An Kh ngày 16/9/2021 đối với nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất thửa đất số 226, số 236 tờ bản đồ số 10, khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, xác nhận 02 thửa đất số 226, số 236 đã qua nhiều người sử dụng, vì ruộng chằm thụt nên làm được mấy năm lại bỏ và hộ ông Đỗ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 đã dụng ổn định, liên tục thửa đất số 226, số 236, tờ bản đồ số 10, khu Cây Thị từ những năm 1990 đến năm 2019 (đến khi ông Phạm Viết V đắp nước trồng sen làm nước dâng lên ngập ông H không cấy lúa được).

Ông Phạm Viết V cho rằng thửa đất số 226, số 236 ông khai phá và sử dụng từ năm 1979, 1980 và sử dụng ổn định, liên tục nhưng ông không có tài liệu gì

chứng minh việc sử dụng đất của mình. Quá trình sử dụng đất ông không tiến hành kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng sử dụng đối với hai thửa đất trên. Qua xem xét hồ sơ và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thể hiện những người làm chứng do ông V đề nghị Tòa án xác minh đều không có đất giáp ranh với thửa đất số 226, số 236 tờ bản đồ số 10, khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh.

Trong khi đó gia đình ông H được UBND xã An Kh giao cho một số diện tích đất trồng lúa tại xứ đồng Cây Thị, xã An Kh, thành phố Tuyên Q từ năm 1989, gia đình ông sử dụng để trồng lúa 02 vụ ổn định, liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp với ai.

Năm 2011-2012, UBND xã An Kh cùng các thôn và các hộ gia đình trên địa bàn toàn xã kê khai, kiểm kê, đo đạc để cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình. Gia đình ông H đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với 08 thửa đất lúa, phần nguồn gốc đất thể hiện "*đất khai phá năm 1992*" (BL 76). Căn cứ vào nguồn gốc và các giấy tờ nộp kèm theo hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 được UBND xã An Kh xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất do tự khai phá năm 1992, không có tranh chấp. UBND xã An Kh đã thực hiện công khai theo quy định. Sau khi hết thời gian công khai UBND xã An Kh không nhận được ý kiến, kiến nghị gì liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H, bà H1. UBND xã An Kh trình UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1. Căn cứ Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuyên Q đã kiểm tra, xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1, tổng diện tích 1.834,6m^2 đất chuyên trồng lúa nước, chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 tại Tờ trình số 1520/TTr-TNMT ngày 14/11/2013. Ngày 02/12/2013, UBND thành phố Tuyên Q ban hành Quyết định số 644/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ cho 58 hộ gia đình, cá nhân tại xã An Kh, thành phố Tuyên Q, trong đó có hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1. Ngày 23/4/2014, UBND thành phố Tuyên Q ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 000289/AK cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đối với các thửa đất số 189, 193, 251, 228, 234, 235, 236, 226, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 1.834,6m^2 đất trồng lúa, tại thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q. Như vậy, UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

[2.2]. Xét Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND thành phố Tuyên Q về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất cho 58 hộ gia đình, cá nhân tại xã An Kh, thành phố Tuyên Q, trong đó có hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1, thấy:

Như phân tích tại mục [2.1] nêu trên thì UBND thành phố Tuyên Q đã ban hành Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy UBND thành phố Tuyên Q ban hành Quyết định số 644/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ cho 58 hộ gia đình, cá nhân tại xã An Kh, thành phố Tuyên Q, trong đó có hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1. Ngày 23/4/2014, UBND thành phố Tuyên Q ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 000289/AK cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đối với các thửa đất số 189, 193, 251, 228, 234, 235, 236, 226, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 1.834,6m^2 đất trồng lúa, tại thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Viết V về việc đề nghị tuyên huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 740377 ngày 23/4/2014 do UBND thành phố Tuyên Q cấp cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cấp cao tại Hà Nội: Bác kháng cáo của ông Phạm Viết V kháng cáo hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 740377 ngày 23/4/2014 do UBND thành phố Tuyên Q cấp cho hộ ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 226, 236 tờ bản đồ số 10 khu Cây Thị, thôn Trường Thi A, xã An Kh, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang và hủy bản án sơ thẩm; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phạm Viết V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Viết V và giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm Viết V.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND tỉnh Tuyên Quang;*
- *Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà